

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2019/DS-PT

Ngày: 19 – 11 – 2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thúy Liên;

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Khánh Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2019/TLPT-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 115/2019/QĐXXPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T; cư trú tại: Đội, khu vực C, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định. (CM)

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H; cư trú tại: Số đường N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định. (CM)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lâm Bích K; cư trú tại: Số đường N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định. (CM)

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị H là bị đơn và anh Lâm Bích K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Chị và vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Lâm Bích K không có quan hệ bà con, cũng không có quen biết nhau. Vợ chồng chị H, anh K được người khác giới thiệu đến nhà vay tiền của chị, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: ngày 21/6/2018 vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Lâm Bích K vay 10.000.000 đồng.

Lần thứ hai: ngày 25/6/2018 chị Nguyễn Thị H vay 10.000.000 đồng.

Lần thứ ba: ngày 30/6/2018 vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Lâm Bích K vay 15.000.000 đồng.

Lần thứ tư: ngày 17/7/2018 vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Lâm Bích K vay 20.000.000 đồng.

Cả bốn lần vay hai bên có lập giấy mượn tiền, thỏa thuận thời hạn trả nợ là 50 ngày, lãi suất thỏa thuận miệng 2.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày, chị H, anh K chưa trả cả gốc lẫn lãi.

Lần thứ năm: ngày 15/11/2018 vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Lâm Bích K vay 120.000.000 đồng. Lần này hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ trên giấy mượn tiền, mà chỉ thỏa thuận miệng khi nào chị H, anh K đáo hạn ngân hàng xong sẽ trả đủ cho chị cả gốc lẫn lãi của 05 lần vay, lãi suất lần này hai bên cũng thỏa thuận miệng 2.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ngày.

Tổng cộng chị H, anh K vay của chị 05 lần với số tiền gốc 175.000.000 đồng.

Nay, chị yêu cầu vợ chồng chị H, anh K trả cho chị một lần số tiền vay gốc là 175.000.000 đồng.

Nay chị yêu cầu vợ chồng chị H, anh K trả cho chị một lần số tiền vay gốc là 175.000 đồng, yêu cầu tính lãi 0,95%/tháng từ ngày 21/01/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và chị Nguyễn Thị Thanh T không có bà con, họ hàng, hai bên chỉ quen biết nhau. Chị xác định vợ chồng chị có vay tiền của chị T cụ thể:

Lần thứ nhất: ngày 21/6/2016 vay 10.000.000 đồng, nhưng thực chất chỉ nhận được 5.000.000 đồng.

Lần thứ hai: ngày 25/6/2016 vay 10.000.000 đồng, thực chất chỉ nhận 7.000.000 đồng.

Lần thứ ba: ngày 30/6/2018 vay 15.000.000 đồng, thực chất chỉ nhận 10.500.000 đồng.

Lần thứ tư: ngày 17/7/2018 vay 20.000.000 đồng, thực chất chỉ nhận được 14.000.000 đồng.

Bốn lần vay này hai bên đều có lập giấy mượn tiền, thỏa thuận thời hạn trả nợ là 50 ngày, phương thức trả nợ là góp ngày. Chị đã trả gốc và lãi cho chị T theo đúng thỏa thuận, chị còn nợ chị T 16.200.000 đồng. Hai bên trả tiền và nhận tiền trên cơ sở niềm tin chứ không có giấy tờ gì chứng minh.

Ngày 15/11/2018, vợ chồng chị đã viết giấy nhận nợ chị T số tiền 120.000.000 đồng, thực chất vợ chồng chị chỉ còn nợ chị T số tiền 16.200.000 đồng của bốn lần vay trước, nhưng chị T lấy lý do là phạt chồng cháy, chồng nỏ nên đã đẩy số tiền lên đến 120.000.000 đồng, chị T cùng một số người hăm dọa nên buộc vợ chồng chị phải viết giấy nhận nợ trên. Sau đó, mỗi ngày vợ chồng chị trả cho chị T 400.000 đồng, trả được 04 tháng với số tiền 48.000.000 đồng thì không trả nữa. Hai bên giao và nhận tiền cũng không có theo dõi bằng sổ sách gì.

Chị xác định 05 giấy nhận nợ đều do chị viết và vợ chồng chị ký tên. Chị không đồng ý trả nợ cho chị T số tiền vay gốc là 175.000.000 đồng và trả tiền lãi theo yêu cầu của chị T, vì số tiền chị thực trả cho chị T đã vượt quá số tiền vay.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Bích K trình bày:

Anh là chồng chị Nguyễn Thị H. Anh thống nhất như lời trình bày của chị H, anh xác định hiện nay vợ chồng anh đã trả tiền cho chị T xong không còn nợ tiền chị T.

Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định quyết định:

Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Lâm Bích K phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền 185.473.750 đồng khi bản án có hiệu lực thi hành.

Bác yêu cầu của vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Lâm Bích K không trả nợ cho chị Nguyễn Thị Thanh T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 06/8/2019, Chị Nguyễn Thị H là bị đơn và anh Lâm Bích K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị tạm ngừng phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Án sơ thẩm buộc chị H, anh K phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị T số tiền 185.473.750 đồng là chưa có căn cứ vững chắc. Bởi lẽ:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H cung cấp các người làm chứng biết việc chị H trả nợ cho chị T và Giấy ghi nhận tiền trả nợ do chị T1 nhận tiền và ghi; theo lời khai các người làm chứng chị L1 khai chị đã trả giúp cho chị H đã giao cho chị T1 800.000đ, A 1.500.000đ; còn anh N khai đã trả giúp cho chị H đã giao cho hai cháu chị T 1.000.000đ và các người làm chứng bà T, bà L, chị A1 khai có gặp chị H, anh K trả tiền góp hàng ngày tại nhà chị T; nhưng chị T không thừa nhận lời khai của chị H, các người làm chứng và chữ viết của chị T1. Trong trường hợp này cần phải lấy lời khai chị T1, A và hai cháu chị T để làm rõ và cần thiết phải giám định chữ viết có phải của chị T1 không. Như vậy, để vụ án được giải quyết triệt để và đúng pháp luật thì phải đưa chị T1 (Con dâu chị T), A và hai cháu chị T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án được quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự và bảo đảm chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Ngoài ra, theo chị H cung cấp USB ghi nội dung cuộc điện thoại giữa chị H, chị T về việc trả nợ và hiện còn nợ; trong trường hợp này cần phải giám định làm rõ.

[1.3] Như vậy, đã phát sinh tình tiết mới phải đưa chị T1, A và hai cháu chị T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung nên Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định đã xét xử về tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T với bị đơn chị Nguyễn Thị H và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 thì chị H, anh K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu đề nghị tạm ngừng phiên tòa là chưa phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1. Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định đã xét xử về tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T với bị đơn chị Nguyễn Thị H và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

3. Chị Nguyễn Thị H, anh Lâm Bích K được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004730 ngày 16/8/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã A.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã A;
- CCTHADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường